TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2018
V/v tranh chấp " Ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M với anh Võ Văn N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Hùng Dũng
2. Ông Lương Hùng Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989. (có mặt)
Địa chỉ Ấp X, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
- *Bị đơn*: Anh Võ Văn N, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Địa chỉ Ấp P, xã B, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 01 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày: Năm 2006, chị M và anh Võ Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 17/7/2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn số 93, quyển 01. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 26/11/2007, hiện cháu Đ đang sống cùng với chị M. Đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Hiện

tại, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 26/11/2007 đến tuổi trưởng thành, chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn N vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải cơ sở anh N thống nhất với chị M về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung và nuôi con chung và đồng ý ly hôn với chị M.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Võ Văn N; Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Quốc Đ cho chị M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nghĩa vụ: Do anh N vắng mặt nên đề nghị tách ra giải quyết vụ kiện khác nếu sau này phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị M thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Ly hôn". Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Anh Võ Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị M và anh Võ Văn N là hợp pháp. Chị M và anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị M và anh N có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không ai quan tâm ai, vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay nhưng không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,*

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh N vắng mặt. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 31/7/2017 (BL 05) anh N thống nhất nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đồng ý ly hôn và giao cháu Võ Quốc Đ cho với chị M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Từ những căn cứ, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Cho chị M được ly hôn với anh Võ Văn N.

[3] Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 26/11/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh N không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh N.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Do anh N vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị M phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M và anh Võ Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Quốc Đ, sinh ngày 26/11/2007 cho chị Huỳnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh N không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh N.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu sau này các bên đương sự có phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000482 ngày 18 tháng 10 năm 2017 thành tiền án phí.

Bản án xử công khai, tuyên án có mặt chị Huỳnh Thị M và vắng mặt anh Võ Văn N.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND TP.Cần Thơ;
-VKSND huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh